

NGHIÊN CỨU LỄ CÚNG CẦU PHÚC QUA VĂN BẢN TỤC LỆ HÁN NÔM HUYỆN TỪ LIÊM, TỈNH HÀ ĐÔNG XƯA

Nguyễn Thị Hoàng Yến

Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Tóm tắt: Đời sống tâm linh người dân Việt Nam từ xưa đóng vai trò rất quan trọng trong cuộc sống làng xã. Chính vì vậy, văn bản tục lệ của làng ghi chép rất nhiều lệ thờ cúng như: cầu an, khai ấn, động thổ, thường tân, thượng điền, hạ điền và việc thờ cúng Thành hoàng làng là việc quan trọng nhất của cả làng. Trong các lễ cúng ấy, cúng cầu phúc được nhiều làng xã quan tâm nhất. Cho đến hiện nay, lễ cúng cầu phúc đầu năm ở đình, chùa, miếu vẫn được người dân coi trọng, thể hiện mong muốn một năm mới mạnh khỏe, bình an. Thông qua việc tìm hiểu lệ cúng này ở huyện Từ Liêm, chúng ta sẽ hiểu rõ hơn về sinh hoạt văn hóa, tâm linh của người dân ở vùng đồng bằng Bắc Bộ xưa.

Từ khóa: lễ cầu phúc, văn bản tục lệ, huyện Từ Liêm, thờ Thành hoàng làng

Nhận bài ngày 3.5.2023; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 23.5.2023

Liên hệ tác giả: Nguyễn Thị Hoàng Yến, Email: hoangyenhannom@gmail.com

1. MỞ ĐẦU

Trong cuộc sống làng xã thời xưa, đời sống tâm linh của người dân đóng vai trò quan trọng, trong đó đình, chùa, miếu,... không chỉ là các cơ sở tín ngưỡng mà còn là nơi sinh hoạt văn hóa cho người dân địa phương. Đình và miếu là nơi thờ thánh, có vị là nhân vật lịch sử khai cơ lập nghiệp cho làng chết được thờ thành Thần (Thành Hoàng), phù hộ cho người dân địa phương sống sung túc, no đủ. Chùa thờ Phật hầu như làng nào cũng có chùa. Thống kê mục cúng tế trong các văn bản tục lệ huyện Từ Liêm xưa cho thấy các điều lệ quy định về việc cúng cầu phúc được nhiều văn bản quy định nhất. Thông qua bài viết này, chúng tôi muốn tìm hiểu về lệ cầu phúc ở huyện Từ Liêm, qua đó đề cập hơn về đời sống tâm linh của người dân Việt Nam xưa.

2. NỘI DUNG

2.1. Vài nét chung

Tiết cầu phúc thường tiến hành vào tháng 2 Âm lịch và diễn ra trong nhiều ngày. Lễ cúng tùy làng xã và năm được mùa hay mất mùa mà tổ chức to hay nhỏ. Lúc mới vào đám thì gọi là "Nhập tiệc" và khi lễ xong ra đám gọi là "Xuất tiệc" hay "Mãn tiệc" đều có cúng tế. Trước ngày vào đám, người dân thường làm lễ mộc dục (tắm rửa) cho thần vị, lau rửa đồ tế khí, rước nước. Sau đó, tổ chức lễ rước thân từ đình, miếu với đầy đủ các đồ tế khí, nghi trượng như tàn lọng,

chiêng trống. Trong những ngày lễ hội, địa phương tổ chức ca hát thờ thần, đánh cờ, đấu vật, vui chơi, ăn uống. Hết đám, họ lại rước thần vị về miếu, đình và làm lễ "Xuất tiệc" hay "Mãn tiệc". Trước hết, chúng tôi xin giới thiệu một số đặc điểm của huyện Từ Liêm xưa như vị trí địa lý, phong tục tập quán và khí hậu.

Về vị trí địa lý: Theo sách *Đông Khánh địa dư chí*, huyện Từ Liêm do phủ Hoài Đức kiêm lý. Huyện hạt phía đông giáp giới huyện Vĩnh Thuận, phía tây giáp giới huyện Đan Phượng, tỉnh Sơn Tây, phía nam giáp giang phận huyện Yên Sơn, phía bắc giáp sông Nhị Hà, đối bờ với hai huyện Yên Lãng, Yên Lạc. Đông tây cách nhau 17 dặm 13 trượng lẻ. Nam bắc cách nhau 33 dặm 90 trượng 2 thước lẻ. Huyện có 13 tổng, gồm xã, thôn, trại, châu, sở¹.

Về phong tục: các xã Đông Ngạc, Tây Tựu, Hương Canh, Vân Canh, La Khê, La Nội, Phú Diễn có nhiều nhà khoa bảng, nên tương đối hào hoa phong nhã. Còn lại thì chất phác nhưng ương ngạnh. Việc cưới xin, ma chay trong huyện nói chung giản tiện. Hàng năm đến mùa xuân mở hội tế thần, có ca hát, kéo dây, múa rối, vui chơi hàng tuần mới thôi. Dân Cổ Nhuế, Hạ Mỗ hung hãn. Các xã Thượng Thụy, Phú Gia, Phùng Khoang rải rác có dân theo đạo [Thiên chúa].

Khí hậu: các tháng giêng, hai, ba ẩm áp, có mưa phùn. Các tháng tư, năm, sáu, bảy nắng nóng, thường có mưa rào, nước sông dâng cao. Tháng tám mát dịu, nhiều mưa, thỉnh thoảng có bão. Tháng chín ít mưa, nước sông rút dần. Tháng mười đến đầu tháng chạp gió bắc rét lạnh. Kết quả thống kê cho thấy, huyện Từ Liêm có 46 văn bản tục lệ Hán Nôm ghi chép lễ cúng cầu phúc. Tài liệu thành văn sớm nhất ghi chép về tục lệ hiện còn thấy được là văn bản của xã Minh Tảo lập năm Chính Hòa thứ 19 (1698). Văn bản được biên soạn gần đây nhất là bản tục lệ của sở Quán La, tổng Phú Gia lập năm Khải Định thứ 1 (1916).

Về thời gian diễn ra lễ cúng cầu phúc, các làng xã huyện Từ Liêm thường tổ chức cúng nhiều kỳ trong năm và mỗi kỳ diễn ra nhiều ngày. Lễ cúng được tổ chức vào tất cả các tháng trong năm. Qua khảo sát của chúng tôi, lễ cúng diễn ra nhiều nhất vào tháng 2 và tháng 8. Các làng xã thường tổ chức cúng 1 kỳ/năm (30 lần), 2 kỳ/năm (11 lần). Một số làng xã không ghi thời gian cúng, số kỳ cúng trong một năm. Thôn Hạ xã Hạ Trì tổ chức 6 kỳ/năm, vào các tháng 2, 3, 4, 8, 9, 11. Xã La Dương cúng 9 kỳ/năm, vào các tháng 1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 10, 11. Các làng xã cúng 1 kỳ/năm, thường vào các tháng 1 (4 lần), tháng 2 (20 lần), tháng 3 (xã Hoàng Xá), tháng 8 (2 lần), tháng 10 (xã Mạc Xá) và tháng 12 (xã Thụy Phương). Các làng xã cúng 2 kỳ/năm, thường vào các tháng 2 và tháng 8 (6 lần), tháng 1 và tháng 2 (2 lần), vào các tháng 2 và tháng 10 (2 lần), tháng 1 và tháng 9 (1 lần), tháng 2 và tháng 11 (xã Mạc Xá). Các làng xã cúng 3 kỳ/năm vào các tháng 1, 2, 3 (thôn Trung, xã Hạ Trì); các tháng 1, 2, 8 (2 lần); các tháng 1, 2, 10 (xã Thụy Phương). Các làng xã thường cúng một kỳ hàng năm, tuy nhiên có nơi cúng 2, 3, 4 thậm chí 6 kỳ một năm. Điển hình là ghi chép về phong tục ở thôn Hạ, xã Hạ Trì, tổng Hạ Trì, huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông (*Hà Đông tỉnh Hoài Đức phủ Từ Liêm huyện Hạ Trì tổng Hạ Trì xã Hạ thôn phong tục*), kí hiệu AF a2/58, lập năm Đồng Khánh thứ 2 (1887), cúng 6 kỳ một năm vào tháng 2, ngày 8 tháng 3, ngày 10 tháng 4, tháng 8, ngày 10 tháng 9 và ngày 13 tháng 11. Địa điểm tổ chức cúng là ở đình, chùa, miếu. Theo thống kê, đình là nơi chủ yếu diễn ra lễ cúng (24 lần), miếu (9 lần). Ngoài ra, lễ cúng còn được tổ chức tại chùa (2

¹ Theo *Đông Khánh địa dư chí* (Tập 2). Nxb. Thế giới, tr.7.

lần), từ chỉ (1 lần) nhưng hầu hết các văn bản tục lệ không ghi nơi tổ chức cúng (32 lần). Trong bài viết này, chúng tôi tiến hành khảo cứu lễ cúng cầu phúc ở huyện Từ Liêm về các phương diện lễ vật cúng tế, kinh phí mua sắm lễ vật và thành phần thụ lộc sau cúng tế.

2.2. Lễ vật cúng tế

Lễ vật cúng tế ở huyện Từ Liêm rất đa dạng phong phú, với các sản phẩm sẵn có tại địa phương như gia súc, xôi, rượu, bánh trái, hoa quả và kim ngân. Tuy nhiên, việc sắm sửa lễ vật cúng tế còn tùy thuộc vào điều kiện kinh tế và phong tục từng làng xã. Chúng tôi đã tiến hành thống kê các văn bản tục lệ Hán Nôm huyện Từ Liêm thì thấy gia súc được nhiều làng xã dùng cúng tế nhất là gà (76 lần), lợn (59 lần), xôi (151 lần), rượu (106 lần), trâu cau (102 lần), kim ngân (30 lần). Lễ vật ít được cúng hơn chuối, cam (13 lần), com (7 lần), đồ mã (xã La Dương). Tuy nhiên, một số làng xã không ghi cụ thể lễ vật cúng (14 lần). Một số làng xã có lệ ca hát thờ thần (14 lần) nhưng không nhiều nơi có lệ này.

Lễ vật cúng ngoài các thứ như gia súc, xôi, rượu, trâu cau thì làng xã cũng bày một số loại lễ vật khác như: cỗ chay, mâm cỗ thịt, cỗ gà, mâm cỗ xôi thịt, cỗ tiên thường, cỗ gà xôi, thủ lợn, tim lợn, miếng thịt, chân giò lợn, thức ăn chín, giò, trảng hoa lợn. Người đứng ra mua sắm lễ vật cúng gồm: thôn trưởng, giáp trưởng², tuần phiên³, hội lão⁴, giáp⁵, giáp cai⁶, quan viên⁷, giáp Đương cai⁸, thủ phiên⁹, Đương cai¹⁰, thủ từ. Theo thống kê, lễ vật cúng chủ yếu do giáp mua sắm. Khảo sát lệ cúng tế trong văn bản tục lệ huyện Từ Liêm cho thấy lệ cúng thờ thần của xã Đông Ngạc¹¹ diễn ra trong thời gian dài, quy định chi tiết các loại lễ vật cũng như các nghi thức diễn ra lễ hội. Trong đó, có 34 điều về việc thờ cúng thần ngày Nhập tịch. Có thể nêu ra một số tục lệ tiêu biểu trong lệ cúng cầu phúc này như sau: Ngày mùng 8 có tục lau rửa đồ tế khí như hương án, chùy, búa đồng, rìu đồng, long đao, giá chiêng, trống, hạc thờ,... Lệ rước văn cúng, rước nước, rước cỗ gà, rước cỗ lớn từ các ngõ, xóm lên đình. Lệ đi tuần quanh đình và cỗ cúng

² Giáp trưởng: người đứng đầu giáp. (Theo *Tục lệ làng xã cổ truyền Việt Nam*, Đinh Khắc Thuân chủ biên, Nxb KHXH, 2006, tr. 829)

³ Tuần phiên: làng xã tổ chức những trai tráng khỏe mạnh thành các phiên thay nhau đi tuần, canh phòng trong làng, ngoài đồng.

⁴ Hội lão: là hội của những người già trong làng xã.

⁵ Giáp: theo cổ GS. Từ Chỉ, giáp là một tập hợp người theo lớp tuổi kết hợp với quan hệ huyết thống của nam giới. Các thành viên trong giáp được chia ruộng công, chịu sai dịch, lo tế lễ hàng năm của làng. (Theo *Tục lệ làng xã cổ truyền Việt Nam*, sđd, tr.829)

⁶ Giáp cai: tương tự Giáp đương cai.

⁷ Quan viên: người có địa vị và được miễn tạp dịch ở làng xã. Có cựu quan viên và tân quan viên. Tân quan viên là những người dùng tiền mua ngôi. Ngoài ra còn có quan viên tử và quan viên tôn là những con cháu quan lại, được ban tặng. (Theo *Tục lệ làng xã cổ truyền Việt Nam*, sđd, tr.833)

⁸ Giáp Đương cai: giáp được phân công đảm trách việc lo lễ phẩm trong các kỳ tế lễ trong năm của làng. (Theo *Tư liệu văn hiến Thăng Long - Hà Nội: Tuyển tập hương ước tục lệ*, Nguyễn Tá Nhí chủ biên, Nxb Hà Nội, 2010, tr.1250)

⁹ Thủ phiên: người đứng đầu phiên tuần.

¹⁰ Đương cai: người được giao sắm lễ phẩm và lo liệu việc tế lễ trong năm. (Theo *Tục lệ làng xã cổ truyền Việt Nam*, sđd, tr.828)

¹¹ Đông Ngạc xã tục lệ, ký hiệu A.732.

vào đêm Nhập tịch. Lệ định vào giờ Tị ngày mùng 9, phụng rước long mã. Lệ phân công người, giáp phụ trách khiêng các đồ thờ.

Tục lệ quy định kích thước, hoa văn, màu sắc ba bộ triều phục, triều đai, mũ châu... cho thần. Sáng sớm ngày mùng 9 mang trầu cau cúng thần xin chọn các đồ ngự phục. Sáng sớm mùng 10, lễ phụng rước. Đầu tiên rước cỗ, rước nước, rồi rước văn tế. Giờ Dậu mùng 10, lễ Nhập tịch rước tế. Sáng sớm ngày 11, Đương cai làm cỗ chay, có các loại bánh. Ngày 12, lệ làm cỗ chay và cỗ mặn. Đến sáng sớm ngày 19, phụng rước cỗ gà và rước nước, giống như lệ rước nước, rước cỗ ngày mùng 10. Lệ giờ Mùi ngày 22 làm lễ khao tiền đàn. Pháp sư phát hịch¹²

Như vậy, công việc chuẩn bị cho ngày nhập tịch, thờ thần và tổ chức lễ rước bắt đầu từ ngày mùng 8 kết thúc ngày 22, diễn ra trong 14 ngày với nhiều nghi thức, đồ tế khí, làm cỗ cúng và có sự tham gia của rất nhiều người trong làng. Như vậy có thể thấy lệ cầu phúc ở huyện Từ Liêm xưa đã là ngày hội của dân làng, thường sau phần lễ cúng, cả làng cùng vui chơi, ăn uống vui vẻ.

Tuy nhiên, việc thờ cúng cầu phúc ở một số nơi có lúc diễn ra trong nhiều ngày, tổ chức ăn uống, vui chơi linh đình, bỏ bê công việc làm ăn sinh sống, ảnh hưởng đến cuộc sống người dân, nên đến các triều vua Gia Long, Minh Mệnh đều có các luật lệ nhằm giảm bớt tình trạng này. Lệ cúng tế trong giai đoạn này cũng đã có nhiều lần sửa đổi nhằm giảm bớt các tiết cúng tế và mua sắm lễ vật cúng trong năm so với tục cũ theo lệnh vua Minh Mệnh. Đồng thời giảm gánh nặng đóng góp cho người dân trong thôn như bản tục lệ của thôn Kim Hoàng lập vào ngày 2 tháng 2 năm Minh Mệnh thứ 20 (1839) quy định¹³.

2.3. Kinh phí mua sắm lễ vật cúng

Kinh phí mua sắm lễ vật ở huyện Từ Liêm được thu từ nhiều nguồn khác nhau như: tiền mua lễ vật chia cho số người trong hương ảm¹⁴ (giáp/thôn), do giáp/thôn/xã chi tiền, hoa lợi từ ruộng tế, thu tiền của các chàng rêu ngoài làng, thu tiền các phường hương, đai, vạn (làng chải), chợ, từ nguồn lợi ao hồ kênh mương, tiền thuế, tiền lan giai, tiền giải, tiền công. Kinh phí được thu từ nhiều nguồn khác nhau, rất phong phú, tùy theo điều kiện tự nhiên, kinh tế và phong tục của từng làng xã. Cụ thể, chúng tôi thống kê được như sau:

Bảng 1. Nguồn kinh phí mua lễ vật

TT	Tên sách	Ký hiệu	Niên đại	Chia tiền	Giáp/thôn	Ký hiệu	Niên đại
1	Chùa Nhất giáp khoán	A.730	Thành Thái 18 (1906)		+		
			Thành Thái 19 (1907)		+		
2	Đông Ngạc xã	AFa2/67	Gia Long 11 (1812)				Không ghi

¹² *Đông Ngạc xã tục lệ*, ký hiệu A.732, tờ 31a-56a.

¹³ *Kim Hoàng thôn hương lệ*, ký hiệu A. 727, tờ 10a - 11a.

¹⁴ Hương ảm: gồm những nam giới của làng được ăn uống mỗi khi có tế lễ. (Theo *Tục lệ làng xã cổ truyền Việt Nam*, sđd, tr.830)

	Đoàn Nhị giáp chư lệ cập điền bạ (Đoàn Nhị giáp)						
3	Đông Ngạc xã hương ước điều lệ	A.2506	Cảnh Hưng 2 (1741)		+		
			Cảnh Hưng 15 (1754)		+		
			Tháng 11, Cảnh Hưng 2 (1741)				Các chàng rể ngoài làng, phường hương đai nộp tiền
4	Đông Ngạc xã tục lệ	A.732	Không ghi		+		Chàng rể ngoài làng, các phường, vạ, chợ nộp tiền hương 6 mạch
5	Đông Ngạc xã các giáp lệ bạ	A.2578/2	Cảnh Hưng 47 (1786)	+			
6.	La Khê xã Văn hội giáp khoán lệ	AFa2/22	Duy Tân 7 (1913)			+	
7.	Phú Diễn xã khoán lệ	AFa2/55	Minh Mệnh 15 (1834)				Không ghi
8.	Kiều Mai thôn khoán lệ	AFa2/55	Thiệu Trị 5 (1845)		+		
			Duy Tân 8 (1914)		+		

9.	Nguyên Xá thôn khoán lệ	AFa2/55	Tự Đức 3 (1850)	+			
10.	Kiều Trì thôn khoán lệ	AFa2/55	Cảnh Thịnh 8 (1800)		+	+	Tiền hương ẩm
11.	Trung thôn phong tục	AFa2/58	Tự Đức 31 (1878)		+		
12.	Hà Đông tỉnh Hoài Đức phủ Từ Liêm huyện Hạ Trì tổng Hạ Trì xã Hạ thôn phong tục (Hạ thôn phong tục)	AFa2/58	Đồng Khánh 2 (1887)		+		
13.	Hạ Trì vạn phong tục	AFa2/58	Duy Tân 7 (1913)		+		
14.	Đại Cát xã phong tục	AFa2/58	Tự Đức 9 (1856)				
15.	Đoài Quý thôn phong tục	AFa2/58	Thành Thái 17 (1905)				Không ghi
16.	Thượng Cát xã phong tục	AFa2/59	Cảnh Hưng 43 (1782)		+		
			Tự Đức 7 (1854)		+		
17.	Hoàng Xá xã phong tục	AFa2/59	Tự Đức 13 (1860)		+		
			Duy Tân 4 (1910)			+	
18.	Mạc Xá xã phong tục	AFa2/59	Vĩnh Hựu 3 (1737)	+			
			Thái Đức 11 (1788)		+		
			Cảnh Hưng 38 (1777)				Không ghi
			Cảnh Hưng 43 (1782)		+	+	

			Gia Long 18 (1819)	+			
19.	Yên Nội xã phong tục	AFa2/59	Thành Thái 5 (1893)		+		
20.	Phù Gia xã phong tục	AFa2/63	Duy Tân 4 (1910)				Không ghi
21.	Thụy Phương xã phong tục	AFa2/63	Đồng Khánh 1 (1886)		+		
			Thành Thái 18 (1906)		+		
			Duy Tân 9 (1915)		+		
22.	Nhật Tảo xã phong tục	AFa2/63	Gia Long 5 (1806)		+	+	
23.	Quán La sở phong tục	AFa2/63	Khải Định 1 (1916)				Không ghi
24.	Phúc Lý xã khoán lệ	AFa2/64	Cảnh Thịnh 5 (1797)		+		Không ghi
			Gia Long 2 (1803)			+	
			Minh Mệnh 7 (1826)			+	1 cái hồ 7 sào, 1 cái nương
			Khải Định 3 (1918)			+	Tiền thuế 7 quan tiền cổ
25.	Hạ Hội xã khoán lệ	AFa2/64	Tự Đức 11 (1858)			+	
			Tự Đức 23 (1870)		+		
			Duy Tân 7 (1913)			+	
26.	Phù Trung xã phong tục	AFa2/65	Tự Đức 7 (1855)	+			

27.	Nội thôn phong tục	AFa2/66	Minh Mệnh 9 (1828)				Tiền lan giai, tiền giải, tiền công
28.	Tổ thôn phong tục	AFa2/66	Minh Mệnh 1 (1820)				Không ghi
29.	La Dương xã phong tục	AFa2/78	Thiệu Trị 2 (1842)		+		
30.	Hậu Ái thôn khoán lệ	A.725	Đông Khánh 2 (1887)				Tiền công, bàn 4 đóng góp
			Đông Khánh 3 (1888)			+	
31.	Hoa Ngạc xã tế lễ nghi tiết bạ	AFa2/62	Cảnh Hưng 44 (1783)		+		
32.	Kiều Trì hương lệ	A.422/1	Cảnh Thịnh 8 (1800)		+		
			Cảnh Thịnh 3 (1795)		+		
33.	Kiêu Trì hương lệ	A.422/2	Cảnh Hưng 8 (1747)		+		
34.	Kim Hoàng thôn hương lệ	A.727	Minh Mệnh 20 (1839)		+		
			Tự Đức 28 (1875)		+		
35.	Mạc Xá Nam Phú lệ ngạch nguyên bản	A.1430	Tự Đức 28 (1875)		+		
36.	Minh Tảo xã khoán ước	AFa2/77	Chính Hòa 19 (1698)		+		
			Không ghi			+	
37.	La Khê xã Bắc Đình giáp khoán	A.824	Thiệu Trị 1 (1841)				Không ghi
			Không ghi				Không ghi

			Không ghi				Không ghi
38.	La Khê xã Tây thôn khoán ước	A.790	Không ghi	+			
			Không ghi				Không ghi
39.	Long Trung hạng lệ	A.726	Thành Thái 18 (1906)				Người bàn 2 sắm lễ
40.	Ngạc Nhất giáp lệ bạ	AFa2/71	Cảnh Hưng 15 (1754)		+		Thu tiền hương của đất chợ, xóm chài, con rử giáp
			Cảnh Hưng 2 (1741)				+
41.	Ngạc Nhất giáp lệ bạ	AF a2/73	Bảo Thái 4 (1723)		+		
			Vĩnh Thịnh 15 (1719)				Quan viên, hương lão, người ngoài đến buôn bán nộp tiền cho bản giáp
42.	Ngạc Nhất giáp lệ bạ	AFa2/74	Cảnh Hưng 2 (1741)				Thu tiền của những chàng rử ngoài làng, các phường hương, đai

			Cảnh Hưng 9 (1748)		+		
			Cảnh Hưng 47 (1786)	+			
43.	Ngọc Mạch thôn hương lệ	A.722	Minh Mệnh 8 (1827)		+		
44.	Thụy Phương xã khoán ước	A.1957	Duy Tân 10 (1916)				Mỗi người nộp cho giáp gạo 10 quan
45.	Trù Mật hạng lệ	A.717	Đông Khánh 3 (1888)				Không ghi
46.	Vân Canh xã văn hội bạ	A.723	Tự Đức 28 (1875)		+		

Theo thông kê từ bảng 1. ở trên, kinh phí mua sắm lễ vật cúng ở huyện Từ Liêm chủ yếu do các giáp/thôn/xã chi tiền (39/71 lần), hoa lợi thu được từ ruộng tế (12/71 lần). Một số làng xã chia tiền mua lễ vật cho số người trong hương ẩm hoặc không ghi tiền lấy từ nguồn nào. Ngoài ra, một số làng xã còn có nhiều nguồn thu khác như: xã Đông Ngạc thu tiền của các chàng rề ngoài, phường hương, đai, vạ (làng chài), chợ. Thôn Kiều Trì, xã Phù Diễn có ba nguồn thu từ ruộng tế, tiền hương ẩm và giáp chi tiền. Xã Phúc Lý thu tiền hoa lợi từ 1 cái hồ 7 sào, 1 cái mương và hoa lợi từ ruộng tế (bản khoán lệ lập năm Minh Mệnh thứ 7 (1826)), hoa lợi từ ruộng tế và tiền thuế 7 quan tiền cổ (bản khoán lệ lập năm Khải Định thứ 3 (1918)). Thôn Nội, xã Thượng Trì thu tiền lan giai, tiền giải, tiền công. Thôn Hậu Ái, xã Vân Canh lấy tiền công và do bàn 4 đóng góp. Ngõ Long Trung do người bàn 2 sắm lễ. Giáp Ngạc Nhất xã Đông Ngạc thu tiền của những chàng rề ngoài làng, các phường hương, đai (bản tục lệ lập năm Cảnh Hưng thứ 2 (1741)). Bản tục lệ của giáp Ngạc Nhất lập năm Cảnh Hưng thứ 15 (1754), tiền mua lễ vật lấy từ tiền thu của đất chợ, xóm chài và con rề của giáp. Bản tục lệ giáp Ngạc Nhất, lập năm Vĩnh Thịnh thứ 15 (1719) do quan viên, hương lão¹⁵, người ngoài đến buôn bán nộp tiền cho giáp này. Xã Thụy Phương mỗi người nộp cho giáp 10 quan gạo.

2.4. Thành phần thụ lộc

Sau khi cúng xong, lễ vật kính biểu những người thi cử đỗ đạt, Hội Tư văn¹⁶, quan viên, chức sắc địa phương, những người tham gia cúng tế, người phục vụ cúng tế làm cỗ, đương thứ

¹⁵ Hương lão: người già cả trong làng. (Theo *Tục lệ làng xã cổ truyền Việt Nam*, sdd, tr.830)

¹⁶ Hội Tư văn: Hội những vị Nho học ở làng xã. (Theo *Tục lệ làng xã cổ truyền Việt Nam*, sdd, tr.837)

lý dịch, thôn trưởng, hương lão, thủ từ, tuần phiên, tuần phu¹⁷, bả lệnh¹⁸, phường bát âm¹⁹, phường trống, ca công²⁰ và số lễ còn lại thì bày cỗ cho dân ăn uống tại đình. Tuy nhiên, việc kính biếu tùy theo tục lệ từng làng xã mà lễ vật được biếu cho những đối tượng nào, dân làng có được hưởng lộc hay không. Cụ thể, việc thụ lộc ở huyện Từ Liêm như sau: Hầu hết các làng xã ở huyện Từ Liêm không ghi cụ thể lễ vật kính biếu ai, những người nào thụ lộc (43/74 lần). Một số làng xã cúng xong bày cỗ cho dân ăn uống tại đình (10/74 lần) hay chia cho giáp/dân mang về ăn uống. Một số giáp/thôn/xã biếu quan viên, chức sắc (7/74 lần), những người đỗ đạt khoa trường, Hội Tư văn (4/74 lần). Có thể kể ra một số trường hợp như: Giáp Đoàn Nhị xã Đông Ngạc biếu những người phục vụ lễ cúng, số lễ còn lại làm cỗ dân ăn uống. Giờ Dậu ngày nhập tiệc, thôn Hạ, xã Hạ Trì tế xong, thủ lợn biếu Tư văn, cỗ biếu quan viên, còn lại thịt bao nhiêu chia đều cho 4 giáp làm lễ. Ngày 8 tháng 3 Nhập tịch thờ thần tại đình của bản xã biếu Hội Tư văn 4 cỗ tiên thường, 2 mâm gà xôi, 2 hộp trà cau, 1 chính rượu, còn biếu đãi tùy nghi, còn lại từ già đến trẻ uống rượu. Ai vắng thì không có phần. Bản tục lệ xã Hạ Hội cho quan viên, lý dịch, thôn trưởng nhận lộc 1 mâm (10 đầu) xôi, đãi Tư văn 1 mâm (5 đầu) xôi, đãi 16 người già 1 mâm (5 đầu) xôi.

3. KẾT LUẬN

Cầu phúc là tiết cúng quan trọng nhất trong năm của người dân huyện Từ Liêm xưa. Qua việc cúng tế này, người dân cầu mong cuộc sống được bình an, mạnh khỏe, mùa màng bội thu,... Đối với nhiều làng xã, việc cúng tế không chỉ mang ý nghĩa tâm linh mà còn là ngày hội của dân làng. Hơn nữa, đối với một số làng xã còn là dịp làng xã này kết giao với các làng xã xung quanh. Tùy vào điều kiện kinh tế và phong tục của từng làng xã mà lễ cúng ấy diễn ra một lần hay nhiều lần trong năm, sắm sửa lễ vật, tổ chức ca hát và các hoạt động khác. Hầu hết các làng xã huyện Từ Liêm tổ chức lễ cúng 1 đến 2 lần mỗi năm, lễ cúng thường diễn ra vào mùa xuân và mùa thu. Mỗi lần cúng diễn ra trong nhiều ngày. Lễ vật cúng rất phong phú, đa dạng. Đây đều là những sản vật dân dã và sẵn có tại địa phương như lợn, gà, xôi, rượu, trà cau, bánh dày, bánh cuốn, kim ngân,... Nhiều làng xã không quy định cụ thể lễ vật dâng cúng, vì phụ thuộc vào nguồn kinh phí nhiều hay ít, cũng như kết quả thu hoạch mùa màng của từng năm để mua sắm. Một số làng xã có quỹ ruộng đất rộng thì để ra một phần ruộng làm ruộng tế, đặc biệt là một số làng xã nằm ở ven sông Hồng, nơi có nhiều đất đai màu mỡ, thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, kinh phí sắm sửa lễ vật còn được huy động từ nhiều nguồn thu khác nhau phục vụ cho lễ cúng tế. Sau khi cúng xong, đối tượng được làng xã biếu lễ vật thường là những người tham gia cúng tế, Hội Tư văn, quan viên chức sắc địa phương, người nhiều tuổi nhất trong làng, thủ từ, phiên tuần rồi số lễ còn lại làm cỗ những người có mặt ăn uống tại đình. Có nơi lễ vật còn lại được chia cho giáp mang về nhà Đương cai uống rượu. Nhìn chung, số người được thụ lộc khá đông. Sau lễ cúng, làng xã thường tổ chức lễ hội, là dịp để người dân địa phương tụ họp giao lưu với nhau và diễn ra các hoạt động vui chơi, giải trí. Cho đến ngày nay, người dân nhiều

¹⁷ Tuần phu: người được cắt cử, sai phái việc làng. (Theo *Tục lệ làng xã cổ truyền Việt Nam*, sđd, tr.836)

¹⁸ Bả lệnh: người được các giáp cắt cử hàng năm đảm nhận việc sắm lễ phẩm cúng Thần ở làng xã. (Theo *Tục lệ làng xã cổ truyền Việt Nam*, sđd, tr.825)

¹⁹ Bát âm: là phường nhạc.

²⁰ Ca công: người hát.

địa phương huyện Từ Liêm xưa (nay là các quận Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm, Hồ Tây, Cầu Giấy, một phần quận Thanh Xuân và Hà Đông) hàng năm vẫn tổ chức cúng cầu phúc, (tuy không còn cúng nhiều lần trong năm như xưa) với mong ước người dân có một năm mới bình an, mạnh khỏe, công việc thuận lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Kế Bính (2017). *Việt Nam phong tục*. Nxb. Văn học.
2. Ngô Đức Thịnh (2007). *Về tín ngưỡng lễ hội cổ truyền*. Nxb. Văn hóa Thông tin.
3. Đinh Khắc Thuân (2006). *Tục lệ cổ truyền làng xã Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội.
4. Mai Viên Đoàn Triền (2008). *An Nam phong tục sách*. Nxb. Hà Nội.
5. *Chùa Nhất giáp khoán*, ký hiệu A.730
6. *Đông Ngạc Ngạc nhị giáp tục lệ giao từ điền bạ*, ký hiệu A.1569
7. *Đông Ngạc xã các giáp lệ bạ*, ký hiệu A.2578/2
8. *Đông Ngạc xã hương lão giáp lệ bạ*, ký hiệu AF a2/68
9. *Đông Ngạc xã hương ước điều lệ*, ký hiệu A.2506
10. *Đông Ngạc xã tế văn thể thức*, ký hiệu A.1977
11. *Đông Ngạc xã tục lệ*, ký hiệu A.732
12. *Đông Ngạc xã Trung Hậu xóm lệ*, ký hiệu AF a2/76
13. *Hà Đông tỉnh Hoài Đức phủ Từ Liêm huyện Cổ Nhuế tổng các xã thôn khoán lệ*, ký hiệu AF a2/55.

RESEARCH OF THE FESTIVAL OF PRUCTION THROUGH THE TRADITIONAL DOCUMENTS OF “HAN NOM” IN TU LIEM DISTRICT, HA DONG PROVINCE

Abstract: *The spiritual life of Vietnamese people has played a very important role in the countryside since ancient times. Therefore, the village's customary documents record many rituals of worship such as: praying for peace, opening seals, breaking ground, “thuong tan”, “thuong dien”, “ha dien” and the worship of the Village's Emperor is the most important thing of the whole village. Among those worshipping ceremonies, praying for blessings is the most interested in many villages. Until now, the ceremony to pray for good fortune at the beginning of the year in communal houses, pagodas and shrines is still respected by people, expressing their wish for a healthy and peaceful new year. Through studying this ritual in Tu Liem district, we will better understand the cultural and spiritual activities of the people in the ancient Northern Delta.*

Keywords: *Blessing ceremony, customary documents, Tu Liem district, worshipping the village god.*